

VẤN ĐỀ TÍNH VÀ SỬ DỤNG ÂM LỊCH Ở NƯỚC TA

Nguyễn Thuyết
Phòng KHK

Lời toà soạn :

Từ năm 1967, Hội đồng Chính phủ đã ban hành Quyết định 121/CP về vấn đề sử dụng và quản lý lịch ở nước ta. Theo Quyết định này, bắt đầu từ 1 tháng I năm 1968, lịch chính thức ở nước ta là dương lịch grêgôriên, nghĩa là mọi văn bản phải ghi theo ngày, tháng dương lịch grêgôriên mới có giá trị pháp lý.

Âm lịch cổ truyền vẫn còn được phép tồn tại trong việc định một số ngày lễ kỷ niệm cổ truyền (như kỷ niệm giỗ tổ Hùng vương, Hai bà Trưng, Tết Nguyên đán, Trung thu, Phật đản v.v.) và trong một số sinh hoạt của nhân dân (ngày giỗ của gia đình).

Quyết định 121/CP đã qui định âm lịch cổ truyền của nước ta phải được tính theo giờ chính thức (hay giờ pháp lệnh) của nước ta là giờ của múi giờ 7 trong hệ thống múi giờ quốc tế, phù hợp với vị trí địa lý của nước ta.

Sở với âm lịch cổ truyền trước đây được tính theo giờ của múi 8 hay giờ Bắc kinh (từ đây gọi tắt là âm lịch cũ) thì ngày, tháng âm lịch cổ truyền được tính theo qui định này (từ đây gọi tắt là âm lịch mới) đôi khi có sai lệch 1 ngày trong phạm vi một tháng, thậm chí sai lệch 1 tháng trong phạm vi vài tháng, và có cả sai lệch 1 ngày về các ngày tiết trong năm.

Trường hợp ngày, tháng sai lệch 1 ngày đã xảy ra vào ngày Tết Nguyên đán của các năm Mậu thân (1968), Kỷ Dậu (1969) nhưng chưa gây dư luận lớn. Năm nay, do sai lệch về ngày trung khí (Đông chí), làm cho 2 lịch mới và cũ khác nhau về tháng nhuận, dẫn đến ngày, tháng sai lệch 1 tháng, kéo dài suốt 5 tháng, từ tháng XI (theo âm lịch mới) năm Giáp tý (1984) đến tháng III năm Ất sửu (theo âm lịch mới). Để giải thích vấn đề này, theo truyền thống của ngành KTTV nước ta, chúng tôi đã đề nghị đồng chí Nguyễn Thuyết, một trong những người soạn thảo văn bản về việc ban hành Quyết định 121/CP, và cũng là một trong những người tham gia biên soạn lịch thế kỷ XX, viết bài báo này.

Một đặc thù của vấn đề lịch ở nước ta là vẫn còn song song tồn tại 2 loại lịch khác nhau về cơ bản. Tuy rằng về mặt pháp lý, âm lịch cổ truyền không được công nhận là lịch chính thức.

Song vì còn được phép sử dụng trong việc định các ngày lễ, tết cổ truyền, nên âm lịch vẫn còn gây tác động tâm lý trong sinh hoạt xã hội, nhất là mỗi khi xảy ra sự sai lệch giữa lịch mới và lịch cũ.

Năm nay, năm Giáp tý (1984) chính là một năm đang gặp những xáo động nhiều nhất, vì âm lịch mới sai lệch với âm lịch cũ về tháng nhuận, dẫn đến sự sai lệch một tháng về việc định ngày, tháng trong những tháng cuối năm. Xáo động này sẽ càng lớn hơn, nếu không có tuyên truyền, giải thích chu đáo trong năm nay, vì rằng sự sai lệch ấy sẽ dẫn đến việc tổ chức Tết năm Ất Sửu chênh lệch 1 tháng giữa lịch mới với lịch cũ. Nguyên nhân duy nhất gây ra sự chênh lệch ngày, tháng giữa 2 lịch mới và cũ là sự sai khác về giờ gốc để tính lịch, nghĩa là vì lịch cũ tính theo giờ múi 8 hoặc giờ Bắc kinh, còn lịch mới tính theo giờ múi 7 múi giờ chính thức của nước ta. Ta có thể hiểu một cách đơn giản vấn đề này như sau: do qui ước của hệ thống múi giờ, giờ của múi 8 đông sớm hơn giờ của múi 7 đông 1 giờ, nên thường xuyên ngày ở múi giờ 8 bắt đầu sớm hơn ngày ở múi giờ 7 1 giờ, như vậy luôn luôn tồn tại một thời khoảng 1 giờ thuộc về 2 ngày khác nhau của múi giờ 7 và múi giờ 8. Thí dụ: thời khoảng từ 23h đến 24h ngày 6 tháng VIII năm 1984 của múi giờ 7 lại được ghi nhận là từ 00h đến 1h ngày 7 tháng VIII năm 1984 của múi giờ 8. Như vậy một sự kiện nào xảy ra vào thời khoảng này sẽ được ghi nhận ở 2 múi giờ 7 và 8 thuộc về 2 ngày khác nhau. Để hiểu rõ hơn lý do chênh lệch, xin giới thiệu lịch pháp âm lịch, hay nói rõ hơn là tìm hiểu các quy định về ngày đầu tháng, về ngày tiết và về tháng nhuận.

I. Những điều cơ bản của lịch pháp âm lịch cổ truyền

Lịch pháp của âm lịch cổ truyền có nhiều qui định phức tạp, nhưng ta không đi quá sâu vào chi tiết, mà chỉ nêu ra ở đây những qui định có liên quan đến vấn đề định ngày, tháng mà sẽ dẫn đến sự chênh lệch giữa lịch mới và lịch cũ.

I.1. Qui định về ngày mùng 1 đầu các tháng âm lịch cổ truyền.

Điều khác biệt về bản chất giữa âm lịch và dương lịch là qui định đơn vị thời gian cơ sở để tính lịch. Dương lịch dùng đơn vị thời gian cơ sở là năm xuân phân (còn được gọi là năm trópíc), nghĩa là phải đảm bảo số ngày trong một năm là cố định (như năm thường có 365 ngày, sau 3 năm có 1 năm nhuận 366 ngày để bù vào số phần lẻ của năm trópíc $\rightarrow 1 \text{ năm trópíc} = 365,2422 \text{ ngày}$), còn tháng chỉ là 1 đơn vị qui ước nên số ngày trong 1 tháng không nhất thiết bằng nhau.

Ngược lại âm lịch dùng đơn vị thời gian cơ sở là tháng Mặt trăng (dùng hơn là tháng giao hội của Mặt trăng). Một thể hiện của tháng này là tuần trăng mà ta dễ nhận biết thông qua một chu trình kín về biến dạng của Mặt trăng. Điều đó có nghĩa là phải bảo đảm số ngày trong 1 tháng âm lịch là số ngày trong một chu kỳ giao hội của Mặt trăng, còn năm âm lịch chỉ là một đơn vị qui ước bằng 12 tháng.

Từ đó, âm lịch phải qui định chặt chẽ ngày đầu mỗi tháng. Theo lịch pháp âm lịch cổ truyền:

- "Ngày mùng 1 đầu tháng là ngày có chứa thời điểm giao hội giữa Mặt trăng và Mặt trời". Như vậy, muốn biết ngày nào là ngày đầu tháng âm lịch, phải thực hiện một bài toán khá khó trong cơ học thiên thể là tính thời điểm giao hội của Mặt trăng và Mặt trời và chính đây cũng là nguyên nhân gây ra sự chênh

lịch 1 ngày kéo dài trong 1 tháng giữa lịch mới và lịch cũ. Thật vậy, nếu thời điểm giao hội giữa Mặt trăng và Mặt trời rơi vào khoảng thời gian từ sau 23h (giờ Hà nội) của một ngày A chẳng hạn thì trong lịch mới, ngày A được ghi nhận là ngày mừng 1 đầu tháng; nhưng lúc đó đã là sau 00h (giờ múi 8) của ngày (A + 1), vì vậy trong lịch cũ, ngày (A + 1) mới được ghi nhận là ngày mừng 1 đầu tháng, ngày A còn là ngày cuối tháng trước. Như thế ngày, tháng giữa lịch mới và lịch cũ chênh nhau 1 ngày trong suốt tháng đó. Điều này đã xảy ra vào các ngày đầu tháng Giêng các năm Mậu thân và Kỷ Dậu (tức các ngày Tết nguyên đán năm Mậu thân và năm Kỷ Dậu).

I.2. Quy định về ngày tiết và tháng nhuận

Một đặc thù của âm lịch cổ truyền khác với các kiểu âm lịch khác là lồng trong hệ thống ngày, tháng tính theo mặt trăng (yếu tố âm lịch) lại ghi nhận những ngày tính theo mặt trời (yếu tố dương lịch) gọi là những ngày tiết trong năm.

Ngày tiết là những ngày ứng với những vị trí cố định của Mặt trời trên hoàng đạo. Trên hoàng đạo, lấy điểm xuân phân làm điểm gốc tọa độ, theo lịch pháp âm lịch cổ truyền, các ngày tiết là các ngày có chứa thời điểm mà Mặt trời ở các điểm cố hoàng kinh bằng 0° , 15° , 30° , 45° , ..., 345° (điểm Xuân phân cố hoàng kinh là 0°). Như vậy có tất cả 24 ngày tiết trong một năm nhiệt đới, nhưng vì một năm âm lịch ngắn hơn 1 năm nhiệt đới (chỉ có khoảng 354 - 355 ngày), nên tính lên đi, có năm âm lịch chỉ có 23 ngày tiết, thiếu mất 1 ngày, nghĩa là có tháng âm lịch chỉ có 1 ngày tiết.

Trong 24 ngày tiết, có 12 ngày ứng với các vị trí của Mặt trời cố hoàng kinh bằng 0° , 30° , 60° , 90° , ..., 330° gọi là các ngày trung khí (Xuân phân, Cốc vũ, Tiểu mãn, Hạ chí, Đại thử, Xử thử, Thu phân, Song giá, Tiểu tuyết, Đông chí, Đại hàn, Vũ thủy). Lịch pháp âm lịch cổ truyền qui định rằng tháng âm lịch nào không có ngày trung khí là một tháng nhuận (nếu trong 1 năm hay 2 năm liên nhau mà có hai tháng thiếu ngày trung khí thì tháng trước là tháng nhuận, tháng sau không phải là tháng nhuận nữa).

II. Nguyên nhân gây chênh lệch 1 tháng giữa hệ thống ngày, tháng theo âm lịch mới và âm lịch cũ trong các năm Giáp tý (1984) và Ất Sửu (1985).

Cũng như ngày mừng 1 đầu tháng, theo cách qui định của âm lịch cổ truyền, ngày tiết có thể lệch nhau một ngày trong hệ thống ngày, tháng theo lịch mới và lịch cũ, khi thời điểm mà Mặt trời đến vị trí cố hoàng kinh bằng 0° , 15° , 30° , ..., 345° xảy ra vào khoảng thời gian sau 23,00h (giờ của múi 7) của một ngày.

Thông thường, sự chênh lệch này chỉ xảy ra đối với ngày tiết đó mà không kéo theo sự chênh lệch ngày, tháng sau ngày tiết, vì ngày tiết không giữ vị trí quan trọng là ngày quyết định việc tính thứ tự ngày trong tháng như ngày mừng 1 đầu tháng.

Nhưng hãn hữu, sự chênh lệch ngày tiết lại có thể gây ra hiện tượng chênh lệch 1 tháng kéo dài trong nhiều tháng giữa hệ thống ngày, tháng theo lịch mới và lịch cũ. Trường hợp này xảy ra khi ngày tiết chênh lệch ấy là một ngày trung khí và xảy ra vào ngày cuối của một tháng. Đó chính là trường hợp xảy ra vào

tháng XI năm Giáp tý này (1984):

Năm nay, thời điểm Mặt trời đến vị trí có hoàng kinh bằng 270° là 23h 58min ngày 29 tháng XI năm Giáp tý (tức ngày 21-XII-1984), vì thế lịch mới ghi ngày 29 tháng XI năm Giáp tý là ngày Đông chí (một ngày trung khí). Nhưng lúc đó theo giờ của múi 8 đã là 00h58min ngày 22 - XII - 1984 (tức ngày 1 tháng thứ XII của năm Giáp tý), vì vậy lịch cũ ghi ngày 1 tháng thứ 12 mới là ngày Đông chí.

Rõ ràng theo lịch mới, tháng thứ XI vẫn có ngày trung khí nên theo lịch pháp không phải là một tháng nhuận, và năm Giáp tý không có tháng nhuận. Nhưng theo lịch cũ, tháng thứ XI không có ngày trung khí (vì ngày Đông chí đã chuyển sang tháng thứ XII) nên vẫn theo lịch pháp tháng đó là 1 tháng nhuận, năm Giáp tý là năm có tháng nhuận. Như vậy, ngày 23 tháng XI năm 1984, theo lịch mới gọi là ngày mừng 1 tháng XI năm Giáp tý, còn theo lịch cũ gọi là ngày mừng 1 tháng X nhuận năm Giáp tý, ngày 22 tháng XII năm 1984, theo lịch mới gọi là ngày 1 tháng XII năm Giáp tý, còn theo lịch cũ lại là ngày 1 tháng XI năm Giáp tý v.v. nghĩa là hệ thống ngày, tháng giữa lịch mới và lịch cũ chênh lệch nhau 1 tháng kể từ ngày 1 tháng XI năm Giáp tý (theo lịch mới - tức ngày 23 tháng XI năm 1984). Sự chênh lệch này kéo dài mãi tới tháng thứ III năm Ất Sửu (1985), tháng này thiếu ngày trung khí Xuân phân (đối với cả 2 lịch mới và cũ), nên theo lịch mới nó là tháng II nhuận năm Ất Sửu, còn theo lịch cũ nó là tháng II năm Ất Sửu (vì lịch cũ đã có tháng X nhuận của năm Giáp tý). Do đó, ngày 21 tháng I năm 1985, theo lịch mới đã là ngày mừng 1 tháng I năm Ất Sửu (ngày Tết nguyên đán), còn theo lịch cũ, nó mới là ngày 1 tháng XII năm Giáp tý. Như vậy, ta sẽ ăn Tết Ất Sửu sớm 1 tháng so với lịch cũ.

Rõ ràng, sự chênh lệch ngày tháng giữa lịch mới và lịch cũ không phải do ta thay đổi lịch pháp, cũng không phải do một nguyên nhân chính trị nào khác, mà chỉ do ta qui định giờ pháp lệnh và giờ gốc để tính âm lịch cho phù hợp với điều kiện địa lý nước ta./.

NƯỚC SÔNG TÔ LỊCH

(tiếp theo trang 17)

vượt chỉ tiêu cho phép. Các nhà máy tuộc da, cao su, cơ khí, lò mổ, rửa bia, hoa quả, các bệnh viện, nước sinh hoạt v.v. hàng ngày đổ vào sông Tô hàng chục nghìn mét khối nước bẩn và rác rưởi.

Sau khi sông Tô Lịch được nạo vét, mở rộng từ Nghĩa Đô trở xuống nên nước sông Tô có phần cải thiện hơn, hàm lượng chất hữu cơ giảm, hàm lượng oxy hòa tan tăng. Tuy nhiên, từ Nghĩa Đô trở lên chưa thông thoát, sông Sét, Kim Ngưu, sông Lừ chưa có gì cải thiện. Toàn bộ nước thải của thành phố vẫn đổ trực tiếp vào sông Tô chưa qua xử lý, đất mới đào đắp 2 bên bờ chưa được gia cố bảo vệ, nhân dân đào xới tăng gia và mưa gió xói mòn mạnh làm cho sông Tô đang ngày một bồi lấp và nhiễm bẩn trở lại.

Các cơ quan có trách nhiệm cần có các biện pháp tích cực để cho sông Tô được trong sạch đúng nghĩa với tên gọi của nó - Tô Lịch./.